

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. GIỚI THIỆU CHUNG

Tổng điều tra dân số và nhà ở (TĐTDS) năm 2009 là cuộc Tổng điều tra dân số lần thứ tư và điều tra nhà ở lần thứ ba được tiến hành ở nước ta kể từ khi đất nước thống nhất năm 1975. Mục tiêu chính của TĐTDS là thu thập các dữ liệu cơ bản về dân số và nhà ở nhằm phục vụ công tác nghiên cứu và phân tích xu hướng phát triển dân số của cả nước cũng như của từng địa phương; cung cấp thông tin đánh giá việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001-2010 cũng như xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2011-2020; và giám sát việc thực hiện cam kết của Chính phủ trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc (BCĐTƯ, 2009).

Tổng điều tra dân số và nhà ở được thực hiện ở nước ta 10 năm một lần. Cuộc TĐTDS đầu tiên được thực hiện vào năm 1979, sau đó là vào các năm 1989, 1999 và 2009. Tổng điều tra dân số năm 1979 thu thập các thông tin đơn giản và nhận được rất ít hỗ trợ kỹ thuật từ cộng đồng quốc tế. Ba cuộc TĐTDS tiếp theo đã thu thập được nhiều thông tin hơn và nhận được nhiều hỗ trợ kỹ thuật và tài chính hơn từ phía cộng đồng quốc tế. Các thông tin từ TĐTDS bao gồm những chỉ tiêu kinh tế - xã hội cơ bản nhất. Ba cuộc TĐTDS gần đây có khá nhiều thông tin giống nhau về dân số và nhà ở và vì thế có thể sử dụng vào mục đích so sánh và phân tích xu hướng.

Bên cạnh điều tra toàn bộ để thu thập thông tin của tất cả các công dân Việt Nam hiện cư trú trên lãnh thổ Việt Nam tại thời điểm TĐTDS, một mẫu điều tra, thu thập nhiều thông tin cũng được tiến hành cùng với điều tra toàn bộ hơn. Mục đích của điều tra chọn mẫu này là: 1) Mở rộng nội dung điều tra; 2) Nâng cao chất lượng điều tra, nhất là đối với các câu hỏi nhạy cảm và phức tạp; và 3) Giảm chi phí cho TĐTDS. Phương án điều tra mẫu năm 2009 đã được thông qua với cỡ mẫu suy rộng là 15% dân số của cả nước. Tương tự như vậy, các cuộc điều tra mẫu của TĐTDS cũng đã được thực hiện trong các cuộc TĐTDS năm 1989 (với cỡ mẫu 5%) và 1999 (với cỡ mẫu 3%) (BCĐTƯ, 2009).

Chuyên khảo này trình bày những phát hiện từ kết quả phân tích sâu các vấn đề di cư và đô thị hóa ở Việt Nam sử dụng các số liệu điều tra mẫu của ba cuộc TĐTDS gần đây nhất. Di cư và đô thị hóa đã trở thành một phần thiết yếu của tăng trưởng kinh tế nhanh tại Việt Nam kể từ sau cải cách kinh tế và đó cũng là những vấn đề then chốt của dân số và phát triển. Trong bối cảnh rộng hơn của khu vực châu Á, có thể thấy di cư đã tăng lên nhanh chóng với tốc độ chưa từng thấy trong hai thập kỷ qua (Deshingkar, 2006); dân số thành thị cũng tăng trưởng ở tốc độ rất cao trong vòng một thập kỷ rưỡi gần đây (UNESCAP, 2007). Chuyên khảo này cố gắng cung cấp một bức tranh chung về di cư và đô thị hóa ở Việt Nam trong hai thập kỷ qua. Chuyên khảo cũng cố gắng xem xét mối liên kết giữa di cư, đô thị hóa và một số kết quả đạt được trong việc thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ hay nói rộng hơn là mối liên hệ giữa di cư, đô thị hóa và phát triển.

2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Chuyên khảo này nhằm mô tả và phân tích mô hình, xu hướng và triển vọng của di cư và đô thị hóa tại Việt Nam. Chuyên khảo chủ yếu sử dụng số liệu từ cuộc TĐTDS năm 2009 và số liệu của các cuộc TĐTDS trước đó vào các năm 1989 và 1999.

Các mục tiêu cụ thể của chuyên khảo này là:

- Mô tả thực trạng di cư tại Việt Nam;
- Mô tả những khác biệt của tình hình di cư trong nước theo các yếu tố chủ yếu như vùng, tỉnh/thành phố, loại hình di cư, dòng di cư giữa thành thị và nông thôn và giới tính của người di cư;
- Mô tả xu hướng của di cư trong nước trong 20 năm qua (kể từ 1989) và triển vọng;
- Mô tả thực trạng đô thị hóa ở Việt Nam;
- Mô tả những khác biệt của đô thị hóa theo các yếu tố chính như theo vùng và theo tỉnh;
- Mô tả xu hướng biến đổi của đô thị hóa trong 20 năm qua và triển vọng;
- Đưa ra kết luận về những đặc điểm chính của di cư trong nước và đô thị hóa ở Việt Nam trong 20 năm qua; và
- Đưa ra các gợi ý chính sách cho quản lý dân số và đô thị ở Việt Nam.

3. PHƯƠNG PHÁP

Như đã đề cập, chuyên khảo này sử dụng số liệu mẫu của ba cuộc TĐTDS gần đây nhất (cỡ mẫu lần lượt là 15%, 3% và 5% của các cuộc TĐTDS năm 2009, 1999 và 1989) cho phân tích. Những mẫu này mang tính đại diện không chỉ ở cấp quốc gia mà còn ở cấp tỉnh. Riêng năm 2009, mẫu được chọn mang tính đại diện tới cấp huyện. Đơn vị lấy mẫu của TĐTDS là địa bàn điều tra. Mẫu nghiên cứu được xây dựng dựa trên phương pháp chọn mẫu chùm cả khối. Các thông tin chi tiết về phương pháp chọn mẫu, kích thước mẫu, phiếu điều tra, phương pháp khảo sát và việc thực hiện điều tra dân số đã được trình bày trong các ấn phẩm xuất bản trước đây của Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (xem BCĐTW, 2009; BCĐTW, 2000; BCĐTW, 1999; BCĐTW, 1991).

Phương pháp phân tích mô tả hay phân tích đơn biến được sử dụng để đưa ra thực trạng về di cư và đô thị hóa. Phương pháp dự báo theo một số mô hình đơn giản cũng được áp dụng nhằm xem xét xu hướng biến đổi trong tương lai của di cư và đô thị hóa. Phân tích hai biến được dùng để tìm hiểu những khác biệt của di cư và đô thị hóa theo các đặc trưng về khu vực, nhân khẩu học và kinh tế - xã hội chính bao gồm: vùng nơi cư trú, tỉnh/thành phố nơi cư trú, tuổi của người trả lời, điều kiện sống của hộ gia đình người trả lời, trình độ đào tạo, trình độ học vấn và điều kiện nhà ở. Giới tính của người trả lời được xem là một vấn đề xuyên suốt và được đưa vào trong hầu hết các phân tích. Phân tích xu hướng biến đổi cũng được sử dụng để nắm bắt xu hướng biến đổi của di cư, tăng trưởng đô thị và đô thị hóa trong hai thập kỷ vừa qua. Hầu hết các biến số sử dụng trong chuyên khảo này được xây dựng dựa theo cách xây dựng 56 chỉ tiêu chuẩn của TĐTDS năm 2009 của BCĐTW (xem BCĐTW, 2010a) và theo phân loại đô thị của Chính phủ.

Các so sánh được thực hiện không chỉ giữa các nhóm di cư khác nhau mà còn giữa người di cư và người không di cư. Các công cụ hỗ trợ trực giác, bao gồm các hình và bản đồ, cũng được sử dụng

nhằm giúp người đọc có thể hiểu các kết quả phân tích một cách dễ dàng hơn. Các kết quả phân tích số liệu chi tiết dùng cho các hình và bản đồ được trình bày trong các biểu phụ lục.

Số liệu TĐTDS cũng như số liệu mẫu của TĐTDS có những điểm mạnh và cũng còn có hạn chế nhất định có ảnh hưởng đến phạm vi phân tích số liệu. Vì vậy, phần này trình bày những ưu điểm và hạn chế chính của số liệu TĐTDS và mẫu suy rộng ở Việt Nam nhằm cung cấp thông tin cơ bản và giải thích cho những hạn chế của việc phân tích trong chuyên khảo này.

Ưu điểm lớn nhất của số liệu TĐTDS và điều tra chọn mẫu kết hợp trong TĐTDS là phạm vi bao phủ toàn quốc hay tính đại diện cao. Kích thước mẫu và số liệu của điều tra chọn mẫu lớn cho phép đưa ra các phân tích thống kê có tính đại diện không chỉ ở cấp vùng mà còn ở các cấp thấp hơn; điều tra chọn mẫu của TĐTDS có nhiều thông tin chi tiết cho phép phân tích nhiều vấn đề đến cấp tỉnh và thậm chí là cấp huyện với số liệu 2009. Đây là một lợi thế lớn của số liệu TĐTDS, cho phép thu thập những thông tin vĩ mô cho việc xây dựng các chiến lược và chính sách. Kích thước mẫu lớn của điều tra chọn mẫu cho phép thực hiện các mô tả và phân tích đối với các nhóm có dân số nhỏ như dân tộc thiểu số, các nhóm dân số biến động mạnh như người di cư và các vấn đề phức tạp như đô thị hóa. Ngoài ra, sự sẵn có của các thông tin kinh tế - xã hội cơ bản của người trả lời như tuổi, giới tính, trình độ học vấn, dân tộc, nghề nghiệp và các đặc điểm cộng đồng như nông thôn/thành thị còn cho phép xem xét sâu hơn những khác biệt của di cư trong nước và đô thị hóa cũng như những vấn đề nghiên cứu khác liên quan đến những yếu tố này.

Số liệu TĐTDS có những hạn chế nhất định. TĐTDS chỉ bao gồm một số ít các câu hỏi được chọn lọc rất kỹ và không thể có được các thông tin sâu vì nguồn lực có hạn trong khi mục tiêu lại rất lớn là thu thập thông tin từ toàn bộ dân số. Vì vậy, kết nối giữa di cư và đô thị hóa và những vấn đề kinh tế - xã hội khác được giới hạn ở những vấn đề chính sử dụng những thông tin sẵn có trong phiếu điều tra dân số. Những thông tin hạn chế này của TĐTDS cho phép đưa ra thực trạng và một số những khác biệt của di cư và đô thị hóa nhưng không cho phép đi sâu giải thích về những khác biệt này vì không có thông tin về các yếu tố giải thích.

Các cuộc TĐTDS ở Việt Nam không thu thập những thông tin quan trọng liên quan đến quá trình di cư như lý do di cư, nơi sinh, và thời gian cư trú. Việc so sánh nơi thường trú thực tế tại thời điểm 5 năm trước thời điểm điều tra và nơi thường trú thực tế hiện tại để xác định người di cư có những hạn chế nhất định. Không thể xác định được thời điểm di chuyển lần gần đây nhất và thời gian cư trú tại nơi ở hiện tại của người di cư. Các nhóm dân di cư theo mùa vụ, di cư tạm thời và các dòng hồi cư xảy ra trong vòng 5 năm trước thời điểm điều tra cũng không được tính đến trong TĐTDS. Những hạn chế đó dẫn đến kết quả tất yếu là các số liệu về di biến động tính được từ bộ số liệu TĐTDS sẽ thấp hơn so với các con số thực tế. Những hạn chế này đã được chỉ ra trong một số ấn phẩm được xuất bản sau khi công bố các kết quả chủ yếu của TĐTDS năm 1999; tuy nhiên, TĐTDS năm 2009 vẫn còn những hạn chế này và vì thế vẫn cần lưu ý đến những hạn chế này khi sử dụng số liệu TĐTDS năm 2009. Tuy nhiên, cách thu thập số liệu giống hệt nhau giữa các cuộc TĐTDS cho phép so sánh các mô hình di cư giữa hai cuộc điều tra 1999 và 2009.

Số liệu TĐTDS không bao gồm thông tin về tọa độ địa lý của khu vực khảo sát qua thời gian nên không thể phân tích được các yếu tố có tác động tới quá trình đô thị hóa. Qua 20 năm hay qua 3 cuộc TĐTDS gần đây nhất, có rất nhiều thay đổi về ranh giới địa lý ở cấp tỉnh, huyện và xã. Rõ ràng, quá trình phát triển kinh tế - xã hội nhanh kể từ “Đổi mới” không chỉ làm gia tăng các dòng di cư mà còn ảnh hưởng đến việc mở rộng nhanh chóng các khu vực thành thị. Kết quả là, quá trình đô

thị hóa tại Việt Nam trong hai đến ba thập kỷ qua có sự đóng góp quan trọng của cả di cư lẫn sự mở rộng phạm vi địa lý của các khu vực thành thị. Tuy nhiên, rất khó có thể đánh giá chính xác tỷ lệ đóng góp của từng yếu tố trên tới quá trình đô thị hóa từ những thông tin hiện có.

4. CẤU TRÚC CỦA BÁO CÁO

Chuyên khảo bao gồm 5 chương. Chương đầu tiên trình bày các thông tin cơ bản và phương pháp nghiên cứu. Chương này cung cấp các thông tin rất cơ bản và thiết yếu về bối cảnh, lý do và mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, các đặc điểm cơ bản của số liệu TĐTDS, giới hạn và phạm vi nghiên cứu. Chương hai tập trung vào di cư. Do có nhiều cách định nghĩa di cư và cũng có nhiều loại hình di cư khác nhau, phần đầu tiên trong chương này trình bày các khái niệm cơ bản và định nghĩa di cư được sử dụng trong chuyên khảo này. Phần tiếp theo trong chương này trình bày thực trạng và xu hướng của các loại hình di cư và các dòng di cư. Phần này cũng trình bày các đặc điểm cơ bản của người di cư và những khác biệt của di cư giữa các nhóm dân số khác nhau. Đô thị hóa được trình bày trong chương thứ ba. Tương tự như Chương Hai, Chương Ba bắt đầu với các khái niệm cơ bản, định nghĩa, và các thông tin chung. Tiếp đến là các kết quả phân tích thực trạng, xu hướng và những khác biệt của đô thị hóa trong hai thập kỷ qua. Chương Bốn đi sâu xem xét mối liên hệ giữa di cư và đô thị hóa. Chương cuối cùng tóm tắt những kết quả chính, nhận định và đưa ra một số gợi ý chính sách rút ra trực tiếp từ các kết quả nghiên cứu.